TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 154/2026/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 06 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 100/2026/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị M, sinh năm 1996; Căn cước công dân số 046196000346 cấp ngày 11/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C; Địa chỉ: Số B kiệt E đường N, phường K, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn V, sinh năm 1998; Căn cước công dân số 046098000377 cấp ngày 11/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C; Địa chỉ: Số A L, tổ dân phố L, phường H, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị M và anh Ngô Văn V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Phan Thị M và anh Ngô Văn Vũ công N vợ chồng có 01 người con chung là Ngô Văn Thiên Â, sinh ngày 10/01/2020. Chị M và anh V thỏa thuận giao cháu Ngô Văn Thiên Â cho chị Phan Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ngô Văn Thiên Â trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Văn V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu Ngô Văn Thiên Â trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh Ngô Văn V không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Phan Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, anh Ngô Văn V không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị M và anh Ngô Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị M và anh Ngô Văn V mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh Ngô Văn V phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng nay chị Phan Thị M tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Phan Thị M đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000815 ngày 18/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H, nay được khấu trừ nên không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 – Huế;
- UBND phường Hương Thủy, TP Huế;
(Đăng ký kết hôn ngày 01/10/2019 tại UBND phường Thủy Châu cũ)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hằng